

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2020/HS-ST**
Ngày: 07-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót

2. Ông Dương Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3096/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn N; Giới tính: Nam; Sinh năm 1992; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp AK, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Con ông Phạm Văn S, sinh năm 1962 (sống) và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1963 (sống); Bị cáo có 01 người anh sinh năm 1991; Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 40 ngày 14 tháng 8 năm 2019, Lệnh số 65A ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P cho đến nay.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Văn T, sinh năm 1980. Nơi cư trú ấp AN, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm Thị T1, sinh năm 1963. Nơi cư trú: ấp AK, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10 tháng 3 năm 2019, tại nhà bà Nguyễn Thị H, ở ấp ANB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre, tổ chức tiệc cưới cho con và có hát nhạc sống. Nguyễn Văn T là khách đến dự. Khoảng 23 giờ cùng ngày, sau khi có uống rượu, T thấy nhóm bạn của Phạm Văn N hát và giành giật micrô qua lại (N là cháu của bà H). T đến giật micrô.

N thấy liền đến ngăn cản không cho T lấy micrô nên T dùng tay đánh 02 cái trứng vào mặt của N nhưng không gây thương tích; N và một số người bạn của N đánh lại T; được nhiều người can ngăn, T ra về và nói: Về lấy dao chém chết mẹ mấy thằng bây. Trong khi T đi đến nơi lấy xe, N xuống phía sau nhà lấy một cái kéo để trong sọt đựng dừa, lưỡi kéo bằng kim loại mũi nhọn, đuổi theo T. Chạy khoảng 50m, N đuổi kịp T, lúc này T đang dẫn xe mô tô, N tay phải cầm kéo chạy đến đâm nhiều cái trứng vào lưng và ngực của ông T. Sau khi gây thương tích cho ông T, N đi vào nhà. T được đưa đến Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu để cấp cứu và điều trị.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 96/CN ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu ghi nhận thương tích của Nguyễn Văn T khi vào viện (vào viện lúc 02h ngày 11/03/2019) như sau:

- Da niêm nhợt, HA: 60/40mmHg;
- Phổi (P) giảm thông khí;
- Vết thương ngực (P) liên sườn III-IV đường nách trước dài 02cm;
- Vết thương cạnh cột sống ngực (P), ngực 7-8 dài 02cm;

Xquang ngực: Tràn máu màng phổi (P).

Điều trị: Phẫu thuật: Lần 1: Dẫn lưu kín màng phổi (P); Lần 2: Nội soi lấy máu đông màng phổi (P).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 115-419/TgT ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre xác định tình trạng thương tích tại thời điểm giám định như sau:

- Vết thương cạnh cột sống ngực phải liên sườn VII-VIII dài 02cm đã lành sẹo, kích thước 02cm x 0,2cm: 01%.

- Vết thương ngực phải liên sườn III-IV đường nách trước dài 02cm đã lành sẹo, kích thước 02cm x 0,1cm; Xquang ngực: Tràn máu màng phổi phải: 10%.

Phẫu thuật lần 1: Dẫn lưu khoang màng phổi phải.

Phẫu thuật lần 2: Nội soi khoang lồng ngực lấy máu đông màng phổi phải.

- Hiện:

+ Vết mổ dẫn lưu màng phổi phải chưa lành hẳn sẹo, kích thước 04cm x 02cm: 01%.

+ Vết mổ nội soi lành sẹo, kích thước 01cm x 0,4cm: 01%.

+ Vết mổ liên sườn V đường nách trước lành sẹo, kích thước 03cm x 0,1cm: 01%.

+ Thở dễ.

X quang ngực kiểm tra tim phổi bình thường, không dày dính màng phổi.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn T là 14%. Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây nên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 118/19/TgT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Phân viện pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh xác định:

- Năm sẹo nhỏ vùng lưng phải và vùng nách – ngực phải là: 05%.

- Tổn thương nhu mô phổi phải, di chứng dày dính màng phổi phải dưới $\frac{1}{4}$ diện tích hai phế trường là: 28%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Văn T là 32%.

Quá trình điều tra, bị cáo và gia đình đã bồi thường cho ông T **số tiền 33.000.000 đồng** theo yêu cầu. Ông T đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng: **do sau khi gây thương tích cho ông T thì bị cáo N đã vứt mất cái kéo và Cơ quan điều tra không tìm được nên không có vật chứng.**

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKS, ngày 29-11-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Phạm Văn N, về “Tội cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 05 năm đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Xử lý vật chứng: không có.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

Bị cáo Phạm Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nên không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn N đã thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ ngày 10 tháng 3 năm 2019, bị cáo Phạm Văn N và Nguyễn Văn T cùng dự tiệc cưới tại nhà bà Nguyễn Thị H, ở ấp ANB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre thì xảy ra mâu thuẫn trong việc giành micrô để hát dẫn đến đánh nhau, được nhiều người can ngăn, T ra về và nói lấy dao đến chém, N lấy kéo đuổi theo đâm nhiều cái trúng vào vùng ngực và lưng của Nguyễn Văn T gây thương tích 32%.

Do đó, bản Cáo trạng số 42/CT-VKS, ngày 29-11-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Phạm Văn N, về “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Phạm Văn N là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại Nguyễn Văn T một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội, tạo tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không gánh chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; đồng thời bị hại có đơn yêu cầu bãi nại cho bị cáo và bị cáo có ông Nguyễn Văn Liêm và ông Nguyễn Văn Sét là em ruột của bà ngoại bị cáo có tham gia cách mạng nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo Phạm Văn N là người có nhân thân tốt, bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính côn đồ tạo tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân và tình hình loại tội phạm này tại địa phương đang ngày một gia tăng nên cần thiết áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ sức giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[7] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: không có.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Không.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: bị cáo Phạm Văn N phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: không có.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc bị cáo Phạm Văn N phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ khi nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu (hồ sơ, văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chót Dương Văn Hai

Hồ Thị Triết